

ĐỀ CƯƠNG GIỮA KÌ 1
MÔN: GDQPAN KHỐI 10

Bài 1: Lịch sử, truyền thống lực lượng vũ trang NDVN

Câu 1. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam **không** bao gồm thành phần nào dưới đây?

- A. Quân đội nhân dân.
- B. Cảnh tử quân.
- C. Công an nhân dân.
- D. Dân quân tự vệ.

Câu 2. Tổ chức nào dưới đây ra đời vào ngày 22/12/1944 theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Quân đội Quốc gia Việt Nam.
- B. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
- C. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- D. Vệ quốc đoàn.

Câu 3. Tổ chức nào dưới đây được thành lập vào tháng 5/1945, dựa trên cơ sở Nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kì (tháng 4/1945)?

- A. Quân đội quốc gia Việt Nam.
- B. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- C. Việt Nam Giải phóng quân.
- D. Việt Nam Cứu quốc quân.

Câu 4. Ngày 22/12 hằng năm là ngày truyền thống của

- A. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- B. Công an nhân dân Việt Nam.
- C. Dân quân tự vệ Việt Nam.
- D. đội ngũ y, bác sĩ Việt Nam.

Câu 5. Từ tháng 5/1964 đến năm 1950, quân đội Việt Nam mang tên là

- A. Quân đội quốc gia Việt Nam.
- B. Việt Nam Giải phóng quân.
- C. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- D. Quân đội cách mạng Việt Nam.

Câu 6. Khi mới thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí nào?

- A. Văn Tiến Dũng.
- B. Nguyễn Chí Thanh.
- C. Phạm Hùng.
- D. Võ Nguyên Giáp.

Câu 7. Từ năm 1950 đến nay, quân đội Việt Nam mang tên là

- A. Việt Nam Cứu quốc quân.
- B. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- C. Việt Nam Giải phóng quân.
- D. Quân đội quốc gia Việt Nam.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam?

- A. Sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn.
- B. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, không có sự đoàn kết quốc tế.
- C. Trung thành vô hạn với Tổ Quốc, với Đảng, nhà nước và nhân dân.
- D. Đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ.

Câu 9. Ngày 19/8 hằng năm là ngày truyền thống của lực lượng nào?

- A. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- B. Công an nhân dân Việt Nam.
- C. Dân quân tự vệ Việt Nam.
- D. Y, bác sĩ Việt Nam.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam?

- A. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, không có sự đoàn kết quốc tế.
- B. Trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và nhân dân.
- C. Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân để làm việc và chiến đấu.
- D. Không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức.

Câu 11. Ngày 28/3 hằng năm là ngày truyền thống của lực lượng nào dưới đây?

- A. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- B. Công an nhân dân Việt Nam.
- C. Dân quân tự vệ Việt Nam.
- D. Các y, bác sĩ Việt Nam.

Câu 12. Văn kiện nào dưới đây được Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua vào ngày 28/3/1935?

- A. “Đề cương văn hóa Việt Nam”.
- B. “Nghị quyết về đội tự vệ”
- C. “Toàn dân kháng chiến”.
- D. “Cương lĩnh chính trị”.

Câu 13. Trong chiến tranh giải phóng, cách đánh nào của lực lượng Dân quân tự vệ đã trở thành di sản trong kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam?

- A. Đánh công kiên.
- B. Đánh hiệp đồng binh chủng.
- C. Đánh du kích.
- D. Đánh cận chiến.

Câu 14. Lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam đều mang bản chất cách mạng của giai cấp nào?

- A. Công nhân.
- B. Nông dân.
- C. Tư sản.
- D. Tiểu tư sản.

Bài 2: Nội dung cơ bản một số luật QPANVN

Câu 1. Luật Giáo dục quốc phòng an ninh năm 2013 bao gồm

- A. 7 chương 37 điều.
- B. 8 chương 47 điều.

C. 9 chương 57 điều.

D. 10 chương 67 điều.

Câu 2. Giáo dục quốc phòng và an ninh nhằm hướng đến mục tiêu

A. giúp công dân hiểu được chức năng của sĩ quan công an.

B. giáo dục cho công dân kiến thức về quốc phòng và an ninh.

C. bồi dưỡng ở người học các phẩm chất: trung thực, đoàn kết.

D. bồi dưỡng ở người học các kĩ năng: giao tiếp, làm việc nhóm.

Câu 3. Môn học Giáo dục Quốc phòng an ninh là môn học chính khóa đối với học sinh cấp

A. mầm non.

B. tiểu học.

C. trung học cơ sở.

D. trung học phổ thông.

Câu 4. Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm nào?

A. Năm 2018 và 2010.

B. Năm 2010 và 2020.

C. Năm 2018 và 2014.

D. Năm 2014 và 2022.

Câu 5. Quân hàm của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có mấy cấp?

A. 2 cấp.

B. 3 cấp.

C. 4 cấp.

D. 5 cấp.

Câu 6. Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam có chức năng nào dưới đây?

A. Quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

B. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về những mệnh lệnh của mình.

C. Đảm bảo cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

D. Đấu tranh chống các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia.

Câu 7. Luật sĩ quan Công an nhân dân năm 2018 ở Việt Nam bao gồm bao nhiêu chương? Bao nhiêu điều khoản?

A. 7 chương, 46 điều.

B. 8 chương, 24 điều.

C. 7 chương, 51 điều.

D. 3 chương, 51 điều.

Câu 8. Quân hàm của sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam gồm có mấy cấp?

A. 2 cấp.

B. 3 cấp.

C. 4 cấp.

D. 5 cấp.

Câu 9. Công an nhân dân Việt Nam có chức năng gì?

A. Trung thành với Tổ quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước và nhân dân.

B. Gắn bó chặt chẽ, tận tụy phục vụ nhân dân, kính trọng, lễ phép đối với nhân dân.

C. Bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

D. Quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi bàn về chức năng của Công an nhân dân Việt Nam?

A. Bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

B. Quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

C. Đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia.

D. Đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không đúng** khi bàn về tiêu chuẩn để trở thành sĩ quan Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam?

A. Lý lịch nhân thân rõ ràng, tuân thủ hiến pháp và pháp luật.

B. Người có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt; tuổi đời phù hợp.

C. Chiều cao: đối với nam từ 1m64, đối với nữ từ 1m58 trở lên.

D. Công dân nước ngoài, sinh sống trên lãnh thổ nước Việt Nam.

Câu 12. Bộ luật nào dưới đây quy định: nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chế độ chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Dân quân tự vệ?

A. Luật Dân quân tự vệ (2019).

B. Luật An ninh quốc gia (2014).

C. Luật Cảnh sát biển Việt Nam (2018).

D. Luật Quốc phòng (2018).

Câu 13. Bộ luật nào dưới đây quy định về: vị trí, chức năng, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; chế độ chính sách của Cảnh sát biển Việt Nam và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan?

A. Luật Quốc phòng (2018).

B. Luật An ninh quốc gia (2014).

C. Luật Cảnh sát biển Việt Nam (2018).

D. Luật Dân quân tự vệ (2019).

Câu 14. Mục tiêu của môn giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường trung học phổ thông là: bảo đảm cho học sinh có hiểu biết ban đầu về

- A. nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- B. nghệ thuật quân sự của các nước trên thế giới.
- C. quan điểm của Đảng về quốc phòng và an ninh.
- D. chính sách của nhà nước về quốc phòng và an ninh.

Câu 15. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân có nghĩa vụ và trách nhiệm như thế nào?

- A. Tuyệt đối trung thành với tổ quốc, nhân dân, với Đảng và Nhà nước.
- B. Quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia đảm bảo an toàn xã hội.
- C. Đấu tranh phòng chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch.
- D. Bảo đảm quân đội sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bài 3: Ma túy, tác hại của ma túy

Câu 1. Chất nào dưới đây **không** thuộc nhóm chất ma túy?

- A. Nhựa cây thuốc phiện.
- B. Cần sa thảo mộc.
- C. Thảo quả khô.
- D. Thuốc lắc.

Câu 2. Chất gây nghiện là chất

- A. kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện với người sử dụng.
- B. ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới nghiện.
- C. kích thích hoặc ức chế thần kinh, nảy sinh ảo giác nhưng không gây nghiện.
- D. an thần, hỗ trợ giảm đau nhức xương khớp, sử dụng nhiều có thể gây nghiện.

Câu 3. “Chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn đến tình trạng nghiện đối với người sử dụng” - đó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Chất gây nghiện.
- B. Chất hướng thần.
- C. Chất an thần.
- D. Chất giảm đau.

Câu 4. Hình ảnh dưới đây phản ánh chất ma túy nào?

- A. Cây cần sa.
- B. Lá Khat.
- C. Cây Cát đắng.
- D. Cây thuốc phiện.

Câu 5. Tiền chất là hóa chất không thể thiếu trong quá trình

- A. sử dụng và mua bán ma túy.
- B. điều chế, sản xuất ma túy.
- C. tàng trữ và vận chuyển ma túy.
- D. tổ chức sử dụng chất ma túy.

Câu 6. Hành vi nào dưới đây **không** vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy?

- A. Sản xuất, sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy.
- B. Trồng cây thuốc phiện hoặc cây khác có chứa chất ma túy.
- C. Vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.
- D. Tuyên truyền pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh.

Câu 7. Nhận định nào dưới đây **không đúng** khi bàn về tác hại của ma túy đến bản thân người nghiện?

- A. Hủy hoại đạo đức, nhân cách; làm tiêu tốn tài sản.
- B. Bị ức chế thần kinh nhưng không lệ thuộc vào thuốc.
- C. Bị tổn hại về sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần.
- D. Không tinh táo, không làm chủ được hành vi của mình.

Câu 8. Nhận định nào dưới đây **không đúng** khi bàn về tác hại của ma túy đến gia đình có người nghiện ma túy?

- A. Gia đình hạnh phúc, mọi thành viên yêu thương nhau hơn.
- B. Thường có xung đột, cãi vã; ảnh hưởng đến giống nòi.
- C. Người thân luôn trong trạng thái lo âu, mặc cảm.
- D. Làm tiêu tốn tài sản gia đình.

Câu 9. Ma túy gây tác hại như thế nào đối với trật tự an toàn xã hội?

- A. Gia tăng các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, mại dâm...
- B. Tăng chi phí cho công tác phòng, chống ma túy.
- C. Giảm số lượng và chất lượng nguồn lao động.
- D. Suy giảm số người bị lây nhiễm HIV/AIDS.

Câu 10. Người nghiện ma túy thường

- A. chăm chỉ lao động, luôn phấn chấn, vui tươi.
- B. chăm lo vệ sinh cá nhân do ưa thích sạch sẽ.
- C. rất khó từ bỏ ma túy và dễ bị tái nghiện.
- D. dễ dàng làm chủ được hành vi của mình.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng về con đường dẫn đến tình trạng nghiện ma túy?

- A. Bản thân người nghiện chủ động tìm đến với ma túy.
- B. Bị các đối tượng khác cưỡng bức sử dụng chất ma túy.
- C. Ma túy là một loại thuốc được kê đơn để bồi bổ cơ thể.
- D. Người nghiện ma túy muốn thể hiện bản thân với bạn bè.

Câu 12. Học sinh cần chú ý điều gì để không đi vào con đường nghiện ma túy?

- A. Từ chối lời mời của người khác về sử dụng chất ma túy.
- B. Chỉ dùng thử chất ma túy một lần duy nhất để biết.
- C. Vô tư sử dụng các đồ ăn vật không rõ nguồn gốc.
- D. Buông thả bản thân khi đã mắc nghiện ma túy.

Câu 13. Em nên lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây khi phát hiện bạn bè hoặc người thân có hành vi sử dụng chất ma túy?

- A. Tuyệt đối che giấu thông tin để bảo vệ người thân, bạn bè.
- B. Nhanh chóng báo cáo thông tin tới cơ quan chức năng gần nhất.

- C. Im lặng và không quan tâm vì việc đó không ảnh hưởng gì tới mình.
- D. Đề nghị bạn/ người thân cho mình sử dụng thử một lần để biết cảm giác.

Câu 14. Em nên lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây khi tình nghi hoặc phát hiện hành vi vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy?

- A. Lập tức hô hoán để mọi người xung quanh vây bắt các đối tượng.
- B. Im lặng và không quan tâm vì việc đó không ảnh hưởng gì tới mình.
- C. Nhanh chóng, bí mật báo cáo thông tin tới cơ quan công an gần nhất.
- D. Trực tiếp vây bắt các đối tượng để bàn giao lại cho cơ quan công an.

Bài 4: Phòng, chống pháp luật về trật tự an toàn giao thông

Câu 1. Hành vi nào dưới đây vi phạm luật giao thông?

- A. Tham gia giao thông khi trong máu/ hơi thở có nồng độ cồn.
- B. Bật đèn tín hiệu (đèn xi nhan) khi chuyển làn đường, chuyển hướng xe.
- C. Đội mũ bảo hiểm, chở đúng số người quy định khi điều khiển xe gắn máy.
- D. Chấp hành nghiêm túc hiệu lệnh của đèn tín hiệu/ người điều khiển giao thông.

Câu 2. Căn cứ vào dấu hiệu nào để xác định một hành vi có phải là hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông?

- A. Người tham gia giao thông bị mất năng lực hành vi nhân sự.
- B. Không có lỗi của người thực hiện hành vi khi tham gia giao thông.
- C. Hành vi của người tham gia giao thông là hành vi có thể nhận biết được.
- D. Hành vi của người tham gia giao thông đúng với quy định của pháp luật.

Câu 3. Độ tuổi nào dưới đây phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm luật về trật tự an toàn giao thông?

- A. 13 tuổi.
- B. 14 tuổi.
- C. 15 tuổi.
- D. 16 tuổi.

Câu 4. Động tác của cảnh sát giao thông trong bức hình dưới đây thể hiện hiệu lệnh gì?

- A. Người tham gia giao thông ở phía bên phải CSGT dừng lại.
- B. Người tham gia giao thông ở tất cả các hướng phải dừng lại.
- C. Người tham gia giao thông ở phía bên trái CSGT đi nhanh hơn.
- D. Người tham gia giao thông ở phía bên phải CSGT đi nhanh hơn.

Câu 5. Biển báo cấm chủ yếu có dạng

- A. hình tròn, viền đỏ, nền trắng, trên nền có hình vẽ hoặc số màu đen thể hiện điều cấm.
- B. hình tam giác đều, viền đỏ, nền vàng, trên có hình vẽ màu đen thể hiện điều báo hiệu.
- C. hình tròn, nền xanh lam có hình vẽ hoặc chữ số màu trắng đặc trưng cho hiệu lệnh.

D. hình vuông/ chữ nhật/ hình mũi tên, nền xanh lam, hình vẽ và chữ viết màu trắng.

Câu 6. Động tác của cảnh sát giao thông trong bức hình dưới đây thể hiện hiệu lệnh gì?

A. Người tham gia giao thông ở tất cả các hướng phải dừng lại.

B. Người tham gia giao thông ở phía bên phải CSGT dừng lại.

C. Người tham gia giao thông ở phía bên trái CSGT đi nhanh hơn.

D. Người tham gia giao thông ở phía bên phải CSGT đi nhanh hơn.

Câu 7. Em hãy cho biết ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông màu đỏ?

A. Cho phép đi.

B. Dừng lại.

C. Đi chậm lại

D. Rẽ trái

Câu 8. Biển báo hiệu lệnh chủ yếu có dạng

A. hình vuông/ chữ nhật/ hình mũi tên, nền xanh lam, hình vẽ và chữ viết màu trắng.

B. hình tròn, nền xanh lam có hình vẽ hoặc chữ số màu trắng đặc trưng cho hiệu lệnh.

C. hình tam giác đều, viền đỏ, nền vàng, trên có hình vẽ màu đen thể hiện điều báo hiệu.

D. hình tròn, viền đỏ, nền trắng, trên nền có hình vẽ hoặc số màu đen thể hiện điều cấm.

Câu 9. Tại nơi đường bộ giao nhau với đường sắt có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, khi có tín hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải

A. dừng lại ở phần đường của mình và đứng sát mép đường ray gần nhất.

B. nhanh chóng điều khiển phương tiện tiến đến gần phần đường giao nhau.

C. nhanh chóng điều khiển phương tiện vượt qua phần đoạn đường giao nhau đó.

D. dừng lại phía phần đường của mình và cách rào chắn một khoảng cách an toàn.

Câu 10. Hành vi nào dưới đây **không vi phạm** quy định về trật tự an toàn khi tham gia giao thông?

A. Dừng lại và giữ tối khoảng cách tối thiểu 5m khi thấy phương tiện đường sắt đi qua.

B. Xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt, hành lang an toàn.

C. Chắn thả súc vật trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn.

D. Phá hoại công trình đường sắt và các phương tiện giao thông đường sắt.

Câu 11. Biển báo chỉ dẫn chủ yếu có dạng

- A. hình vuông/ chữ nhật/ hình mũi tên, nền xanh lam, hình vẽ và chữ viết màu trắng.
- B. hình tròn, nền xanh lam có hình vẽ hoặc chữ số màu trắng đặc trưng cho hiệu lệnh.
- C. hình tròn, viền đỏ, nền trắng, trên nền có hình vẽ hoặc số màu đen thể hiện điều cấm.
- D. hình tam giác đều, viền đỏ, nền vàng, trên có hình vẽ màu đen thể hiện điều báo hiệu.

Câu 12. Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, học sinh đủ 16 tuổi trở lên được lái xe máy có dung tích xi-lanh

- A. dưới 150 cm³.
- B. trên 150 cm³.
- C. dưới 50 cm³.
- D. trên 50 cm³.

Câu 14. Biển báo nguy hiểm chủ yếu có dạng

- A. hình vuông/ chữ nhật/ hình mũi tên, nền xanh lam, hình vẽ và chữ viết màu trắng.
- B. hình tròn, nền xanh lam có hình vẽ hoặc chữ số màu trắng đặc trưng cho hiệu lệnh.
- C. hình tròn, viền đỏ, nền trắng, trên nền có hình vẽ hoặc số màu đen thể hiện điều cấm.
- D. hình tam giác đều, viền đỏ, nền vàng, trên có hình vẽ màu đen thể hiện điều báo hiệu.

Câu 15. Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là hoạt động của

- A. công dân.
- B. các tổ chức xã hội.
- C. cơ quan quản lí nhà nước.
- D. công dân và các tổ chức xã hội.

Câu 16. Nhân vật nào dưới đây vi phạm quy định về an toàn giao thông?

- A. Anh M đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy định khi điều khiển xe mô tô.
- B. Dù đang rất vội nhưng chị H vẫn tuân thủ đúng tín hiệu đèn giao thông.
- C. Bạn T (16 tuổi) điều khiển xe gắn máy có dung tích xi-lanh 110 cm³.
- D. Anh K mặc áo phao khi tham gia giao thông đường thủy.

Hết